

Số 136 /CBTT-HHC

Nghệ An, ngày 08 tháng 3 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDC K HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na**

Trụ sở chính : Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 02383.588.766

Fax : 02383.588.767

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trịnh Bảo Ngọc

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : 29 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại : 0979.936.988

Loại thông tin công bố:  24h;  72h;  Yêu cầu;  Bất thường;  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Toàn bộ nội dung Báo cáo thường niên năm 2017 được đăng tải trên Website của Công ty tại địa chỉ: <http://huana.com.vn> mục quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2017

**Người thực hiện công bố thông tin  
GIÁM ĐỐC**



**Trịnh Bảo Ngọc**

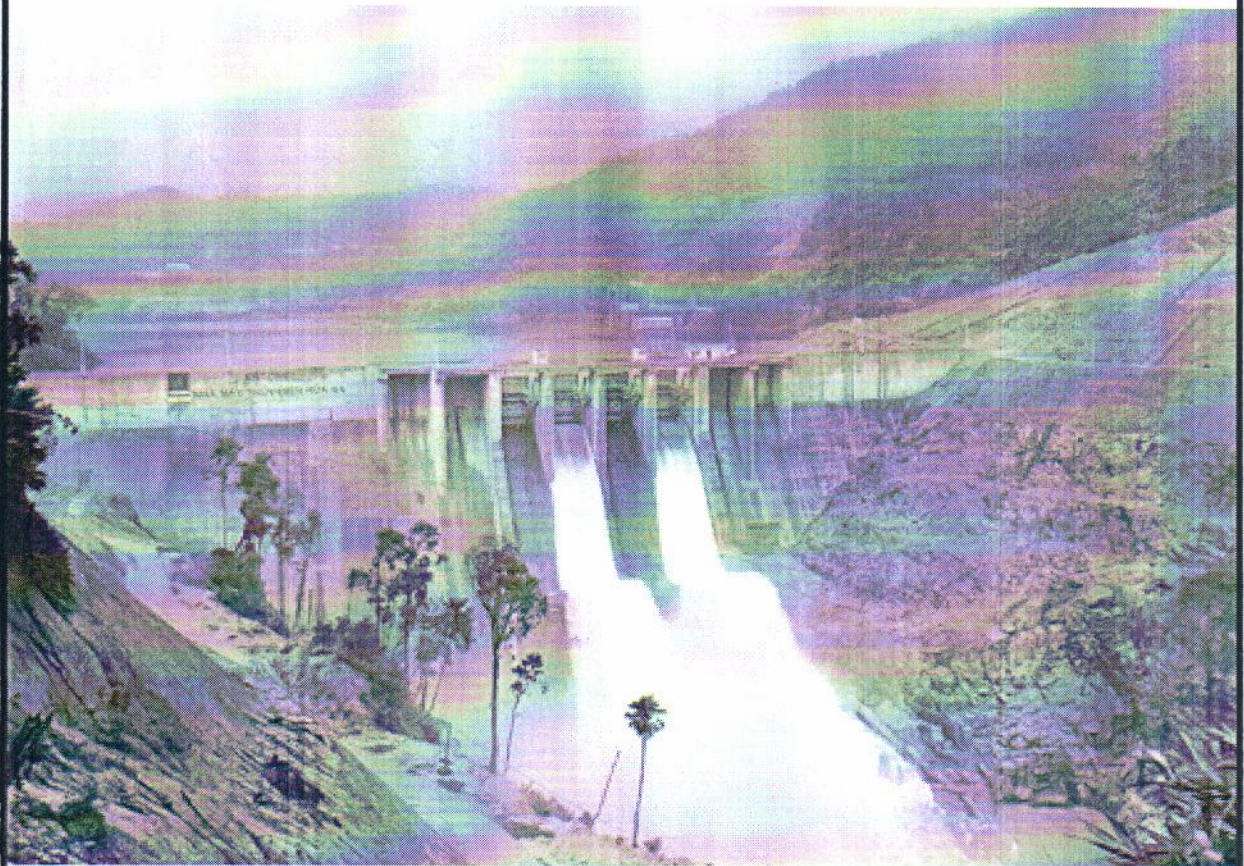




**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA**

Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí, số 07, Quang Trung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An  
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017**



*Nghệ An, tháng 3 năm 2018*



## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên Doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**
- Tên tiếng Anh: **HUA NA HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **HHC**
- Logo:



- Giấy CNĐKKD: 2900797430 đăng ký sửa đổi lần thứ 8 ngày 29/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Vốn điều lệ: 2.256.592.100.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.256.592.100.000 đồng
- Số điện thoại: 02383.588.766
- Số fax: 02383.588.767
- Website: <http://huana.com.vn>
- Mã chứng khoán: **HNA**





## 2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na được thành lập ngày 16/5/2007 bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na là chủ đầu tư Dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na trên thượng nguồn sông Chu thuộc địa phận xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An. Đây là dự án nằm trong chương trình trọng điểm phát triển Kinh tế - Xã hội, An ninh năng lượng của Quốc gia nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng.

### ⚡ Các mốc thời gian phát triển:

- Ngày 19/01/2006, Dự án Thủy điện Hòa Na được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư tại Văn bản số 129 TTg-CN.
- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na được thành lập bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 8/6/2007, Công ty cổ phần Thủy điện Hòa Na được chấp thuận là Chủ đầu tư xây dựng dự án Thủy điện Hòa Na theo văn bản số 3143/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ, với hình thức đầu tư: Xây dựng - Vận hành - Sở hữu (BOO).
- Ngày 27/7/2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chuyển toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam trở thành cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.
- Ngày 28/3/2008, Dự án thủy điện Hòa Na được khởi công xây dựng tại xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.
- Ngày 01/02/2013, Tổ máy số 1 Nhà máy Thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.
- Ngày 27/3/2013, Tổ máy số 2 Nhà máy Thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.
- Ngày 17/7/2013, Công trình Thủy điện Hòa Na chính thức hoàn thành đưa vào sử dụng.
- Ngày 22/8/2017, Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (mã chứng khoán HNA) đã được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 163/2017/GCNCP-VSD.



- Ngày 28/9/2017, Cổ phiếu Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Quyết định số 824/QĐ-SGDHN với phiên giao dịch đầu tiên là ngày 05/10/2017.

Hiện nay Công ty Cổ phần Thủy điện vẫn đang duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng.

⚡ Quá trình thay đổi vốn điều lệ:

- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đăng ký kinh doanh lần đầu tiên với số vốn điều lệ ban đầu là 1.200 tỷ đồng.
- Ngày 05/3/2009, đăng ký thay đổi lần 1, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 1.800.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/3/2012, đăng ký thay đổi lần 4, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.010.000.000.000 đồng.
- Ngày 25/5/2015, đăng ký thay đổi lần 7, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.310.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/12/2016 đăng ký thay đổi lần 8, giảm số vốn điều lệ của Công ty về vốn điều lệ thực góp là 2.256.592.100.000 đồng.

### 3. Ngành nghề kinh doanh - Địa bàn hoạt động

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, mua bán điện năng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Cho thuê văn phòng.
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư xây dựng nhà ở, văn phòng.
- Khai thác quặng sắt.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện.
- Bán buôn tổng hợp.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.



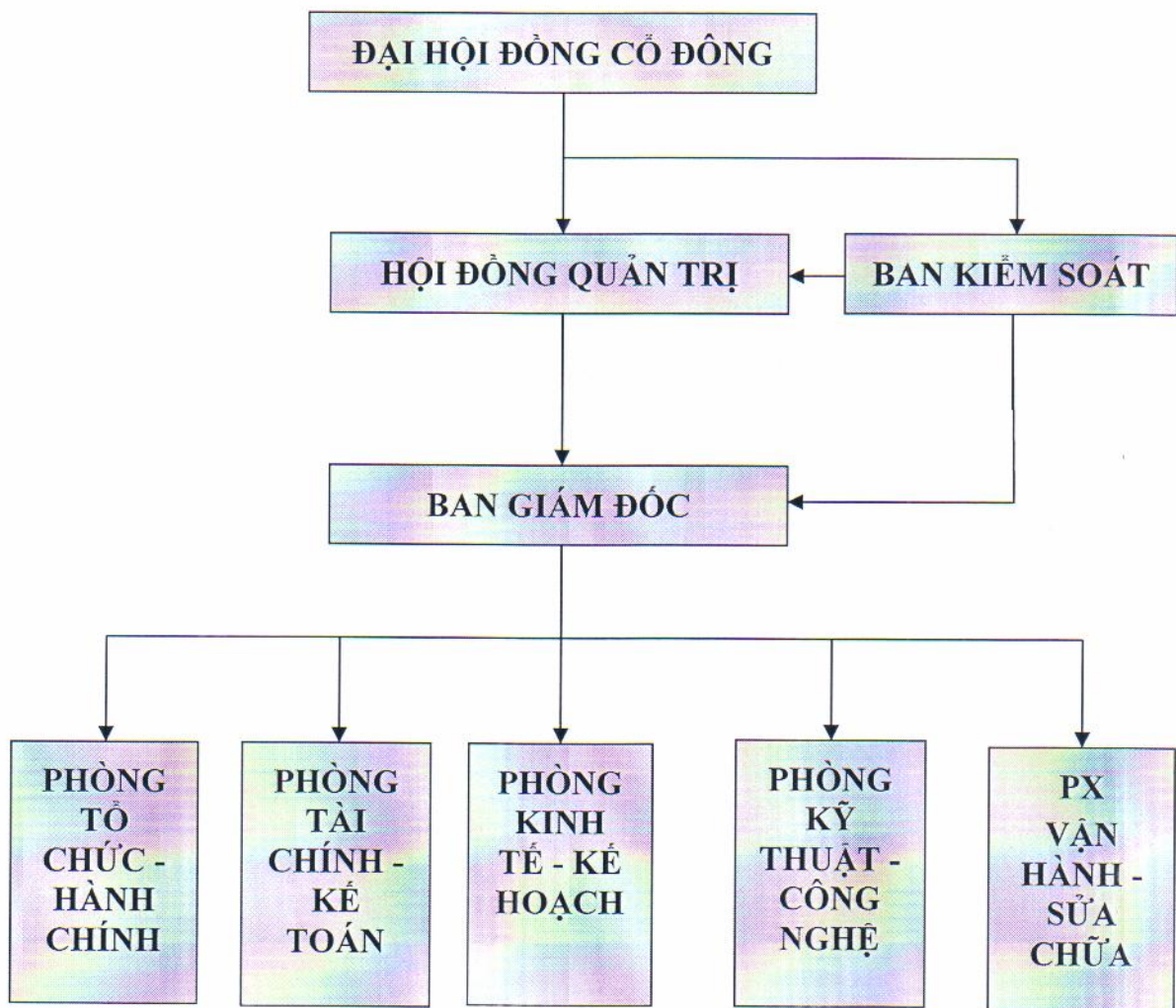
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Dịch hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

### 3.2. Địa bàn hoạt động

Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na hiện đang quản lý Nhà máy Thủy điện Hủa Na tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giao dịch mua bán điện cũng như các quan hệ với các đối tác, ngày 15/4/2013 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na chuyển trụ sở chính về Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

### 4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý







#### **4.1. Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng giảm (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **4.2. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

#### **4.3. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 01 (một) Trưởng ban và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

#### **4.4. Ban giám đốc**

Ban giám đốc của Công ty gồm 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và quy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

#### **4.5. Khối điều hành**

##### **4.5.1. Phòng Tổ chức – Hành chính.**

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách; Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; Công tác đối ngoại của Công ty.

##### **4.5.2. Phòng Kinh tế - Kế hoạch**



Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; chào giá điện, mua bán vật tư, thiết bị cơ điện; hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.

#### 4.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.
- Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

#### 4.5.4. Phòng Kỹ thuật – Công nghệ

Tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.
- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Áp dụng khoa học công nghệ, tiêu chuẩn hóa, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý, sản xuất.
- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phần chuyên môn kỹ thuật.

#### 4.5.5. Phân xưởng Vận Hành – Sửa chữa

Phân xưởng Vận Hành – Sửa chữa gồm 02 bộ phận: bộ phận trực tiếp thực hiện công tác Vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na và bộ phận sửa chữa các thiết bị của nhà máy khi hỏng hóc hoặc đến thời gian bảo trì.

## 5. Định hướng phát triển

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu

- Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực thủy điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.



- Xây dựng chiến lược chào giá “linh hoạt” để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đây cũng chính là quá trình đơn vị tự "chuyên nghiệp hóa", nâng cao uy tín, sức mạnh cho mình, chuẩn bị cho việc tham gia Thị trường bán buôn điện cạnh tranh trong năm 2019 tiến tới thị trường điện hoàn thiện sau năm 2023. Tăng cường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Tổ thị trường để nắm bắt thị trường nhanh nhạy, biết phân tích đánh giá và am hiểu các quy luật của thị trường; có khả năng phân tích hệ thống và nắm vững các đặc tính vận hành hồ chứa, thu thập, nắm bắt tình hình thủy văn qua các năm vận hành để có chiến lược chào giá phù hợp với từng giai đoạn, đem lại hiệu quả doanh thu cao nhất cho Công ty.
- Tăng cường học hỏi, phối hợp tốt và kịp thời với các đơn vị mua bán điện, Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia, Cục Điều tiết điện lực để khai thác tối đa lợi thế trên thị trường điện như: Có chiến lược chào giá hợp lý, phân bổ sản lượng Qc phù hợp với chế độ thủy văn của Nhà máy, thời gian thanh toán tiền điện nhanh nhất, tối ưu hóa công suất các tổ máy.
- Tiếp tục thực hiện vận hành theo quy trình đảm bảo an toàn, tiến hành bảo dưỡng, sửa chữa nhà máy theo đúng định kỳ, thời điểm thích hợp tránh làm ảnh hưởng đến thời điểm phát điện hiệu quả của Nhà máy.
- Tiếp tục nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành, để chủ động hơn trong việc sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên Nhà máy.

## 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

### ✦ 2018-2020:

- Đảm bảo các tổ máy Nhà máy thủy điện Hòa Na vận hành ổn định, an toàn, hiệu quả, khai thác tối ưu lượng nước về hồ chứa Hòa Na.
- Có chiến lược hợp lý, có hiệu quả khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh và thị trường điện bán buôn cạnh tranh.
- Đầu tư sửa chữa và thay mới các thiết bị của nhà máy; thường xuyên duy trì bảo trì các công trình đường giao thông, hệ thống đập.
- Tăng cường công tác học hỏi, đào tạo cán bộ kỹ thuật để chủ động trong công tác vận hành và sửa chữa thiết bị của Nhà máy.

### ✦ 2020-2030

- Duy trì vận dụng tối đa khả năng phát điện của nhà máy thủy điện Hòa Na
- Tiến tới phát triển dịch vụ kỹ thuật trong lĩnh vực cung cấp đào tạo, dịch vụ vận hành và dịch vụ sửa chữa nhà máy thủy điện.
- Tham gia đầu tư các lĩnh vực điện.
- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản hàng năm và lợi nhuận để lại công ty có thể chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư tài chính.



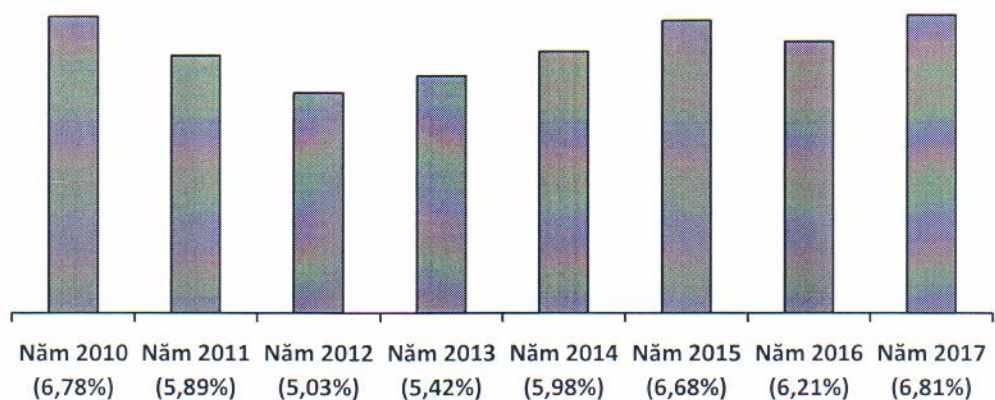
## 6. Các rủi ro

### 6.1. Rủi ro về kinh tế

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của mọi loại hình doanh nghiệp.

#### ⊕ Tăng trưởng kinh tế:

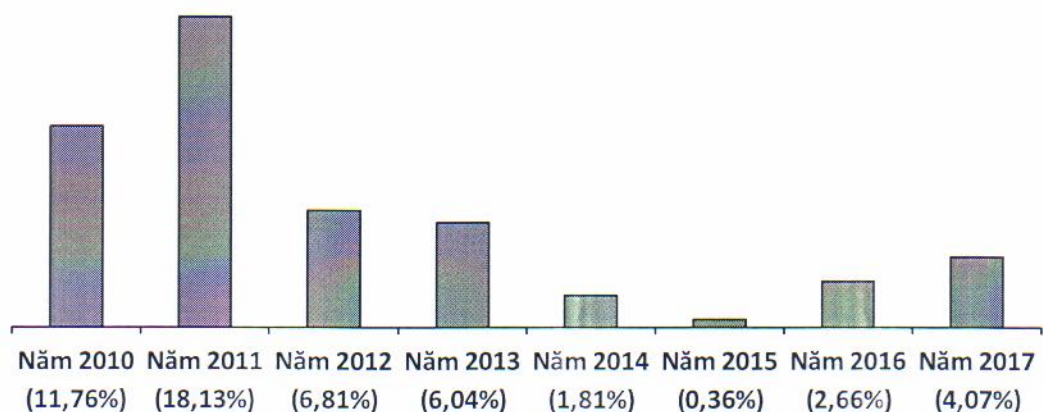
*Tăng trưởng GDP từ năm 2010 - 2017*



Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành kinh tế và tất nhiên ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu thụ điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

#### ⊕ Lạm phát:

*Tỷ lệ lạm phát qua các năm*





Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và ảnh hưởng gián tiếp đến doanh nghiệp. Mặc dù vậy, theo đánh giá chung thì tỷ giá lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện do giá điện bán lẻ tại Việt Nam vẫn do Chính phủ Việt Nam quản lý và điều hành.

### **6.2. Rủi do về pháp luật**

Rủi do về pháp luật là rủi ro mạng tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Công ty hiện tại đang chịu rủi ro khi hoạt động dưới sự điều chỉnh và chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam do có hệ thống chưa nhất quán, chặt chẽ và có sự chông chéo. Hơn thế nữa là một Công ty đại chúng quy mô lớn ngoài việc tác động của một số loại cơ bản như luật Doanh nghiệp, luật Xây dựng, luật Đất đai, ... và liên quan đến ngành Điện lực; Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển lên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích nghi để phát huy tối đa mặt lợi nhuận.

Điển hình như trong năm 2015, Luật doanh nghiệp mới số 68/2014/QH13 chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2015 đã có nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty .... giảm nhiều các thủ tục hành chính và nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp.

Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn pháp luật khi cần thiết.

### **6.3. Rủi ro về thời tiết**

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường sá và các công trình đập



của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết vẫn tồn tại trong thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đường giao thông, đập và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

#### 6.4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch,...là những rủi ro do bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC ...

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	TH/KH 2017	TH 2017/ TH 2016
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	558,10	645,06	734,35	114%	131,58%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	522,72	571,60	579,15	101%	110,79%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	573,79	570,14	569,50	100%	99,25%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	-51,07	1,45	9,45	652%	-18,50%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	86,55	128,90	135,17	105%	156,18%

#### ⚡ Tình hình sản xuất điện

Năm 2017 tình hình thủy văn thuận lợi và công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện. Sản lượng điện đạt 734,35 triệu kWh cao hơn 176,25 triệu kWh so với cùng kỳ năm 2016 (558,1 triệu kWh) và vượt 14% so với kế hoạch năm 2017.



✦ **Tình hình vận hành, bảo trì, bảo dưỡng sửa chữa, mua sắm vật tư thiết bị phục vụ bảo dưỡng sửa chữa.**

- Công tác vận hành: Vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra và đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm điều độ, đồng thời phù hợp với chiến lược kinh doanh của Nhà máy trong hoạt động thị trường điện cạnh tranh

- Bảo dưỡng sửa chữa thiết bị: Thực hiện bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (đại tu) Nhà máy đáp ứng theo tiến độ huy động điện của A0, hệ thống thiết bị sau bảo dưỡng hoạt động đạt yêu cầu kỹ thuật.

- Công tác bảo trì, ảnh hưởng trong mùa mưa bão:

Thực hiện bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa công trình, ảnh hưởng trong mùa mưa bão. Công ty luôn thường xuyên đánh giá mức độ quan trọng, cần thiết của các hạng mục cần bảo trì để thực hiện. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Do ảnh hưởng của cơn bão số 2 trong tháng 7 và áp thấp nhiệt đới trong tháng 10 mưa nhiều gây lở đất, đá; sạt mái cơ nhà máy, tháp điều áp, đường vận hành; xói lở hệ thống thoát nước các đường vận hành; sụt lún nhiều vị trí. Tuy nhiên các sự cố trên không làm ảnh hưởng đến hoạt động phát điện của Nhà máy, công ty đã tiến hành khắc phục ngay để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành. Các ảnh hưởng do mưa bão Công ty đã và đang làm việc với đơn vị bảo hiểm để bảo hiểm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết.

✦ **Tình hình thực hiện nhiệm vụ trọng tâm khác**

- Hợp đồng mua bán điện: Công ty đã hoàn thành ký kết phục lục bổ sung hợp đồng mua bán với Công ty mua bán điện (EPTC) trên cơ sở giá trị quyết toán vốn dự án giai đoạn 1 với nội dung chính như sau: Giá điện bình quân cả đời dự án là 864,78 đồng/kWh, từ ngày 01/4/2018 áp dụng giá điện mới với giá cố định 889,13 đồng/kWh, giá O&M là 70,59 đồng/kWh, mỗi năm chi phí O&M được tính trượt giá 2,5%, năm cơ sở là năm 2016 (tổng giá điện năm 2018:  $889,13 + 70,59 * 1,025 * 1,025 = 963,3$  đồng/kWh; Giá điện chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng).



- Công ty đã hoàn thành niêm yết cổ phiếu lên sàn chứng khoán Upcom, đã được trung tâm lưu ký chứng khoán cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán ngày 22/8/2017 với mã chứng khoán là HNA, số lượng cổ phiếu đăng ký là 225.659.210 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 28/9/2017 Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu và ngày 5/10/2017 là ngày đầu tiên giao dịch.

## 2. Tổ chức nhân sự.

### 2.1. Danh sách Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

TT	Họ và tên	Chức vụ
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>	
1	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Trịnh Bảo Ngọc	Thành viên HĐQT - Giám đốc
3	Ông Lê Xuân Tùng	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Thanh Nghị	Thành viên HĐQT
5	Ông Hoàng Xuân Thành	TV HĐQT- Phó Giám đốc
<b>II</b>	<b>Ban điều hành</b>	
1	Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
2	Ông Hoàng Xuân Thành	Phó Giám đốc
3	Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
4	Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc
5	Ông Võ Trung Chính	Kế toán trưởng
<b>III</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>	
1	Lê Hải Long	Trưởng Ban kiểm soát
2	Vũ Thành Trung	Thành viên Ban kiểm soát
3	Phạm Mạnh Đức	Thành viên Ban kiểm soát
4	Văn Tuấn Thạch	Thành viên Ban kiểm soát
5	Bùi Huy Thành	Thành viên Ban kiểm soát

### 2.1. Tóm tắt lý lịch:



**✦ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH**

**Ông Nguyễn Mạnh Hùng - Chủ tịch Hội đồng quản trị**



- Ngày sinh: 20/10/1958
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Nghệ An
  - Địa chỉ thường trú: Nhà TT23, khu đô thị Mỹ Đình – Sông Đà, Nam Từ Liêm, Hà Nội
  - Số CMND: 024171377; ngày cấp: 17/07/2015; nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
  - Trình độ văn hóa: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện, Thạc sỹ Quản trị doanh nghiệp
- Quá trình công tác:
- 02/1982 ÷ 03/1983 : Cán bộ kỹ thuật - Công ty xây dựng số 6 Bộ Xây dựng.
  - 03/1983 ÷ 02/1990 : Trưởng phòng vật tư thiết bị - Công ty Xây dựng thủy công Sông Đà - Bộ Xây dựng.
  - 2/1990 ÷ 12/1992: Trưởng phòng vật tư cơ giới - Công ty Xây dựng thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Đà.
  - 12/1992 ÷ 12/1999 : Giám đốc - Chi nhánh Tổng Công ty Sông Đà tại Hồ Chí Minh.
  - 12/1999 ÷ 03/2001: Phó trưởng phòng đầu tư - Tổng Công ty Sông Đà.
  - 3/2001 ÷ 3/2009: Trưởng phòng đầu tư - Công ty cổ phần đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà
  - 3/2009 ÷ Hiện tại: Chủ tịch HĐQT - Công ty CP thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
    - + Sở hữu cá nhân: 10.100 cổ phần chiếm 0,004% vốn điều lệ
    - + Sở hữu đại diện: 85.922.760 cổ phần chiếm 38,076% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
  - + Những người có liên quan: Không



**Ông Trịnh Bảo Ngọc - Thành viên HĐQT, Giám đốc**



- Ngày sinh: 12/4/1966
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Nghệ An
  - Địa chỉ thường trú: 29 Trần Phú, phường Ba Đình, thị xã Bỉm Sơn, Thanh Hóa
  - Số CMND: 013263779; ngày cấp: 6/02/2010; nơi cấp: CA Hà Nội
  - Trình độ văn hóa: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí
- Quá trình công tác:
- 7/1989 ÷ 5/1995: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Bảo Lộc, Lâm Đồng.
  - 6/1995 ÷ 8/1996: Trưởng phòng vật tư - Tổng Công ty Dầu tầm tơ Bảo Lộc.
  - 9/1996 ÷ 12/1997: Cán bộ kỹ thuật - Nhà máy Đường tại Thạch Thành, Thanh Hóa.
  - 01/1998 ÷ 7/1999: Cán bộ KT - Nhà máy Đường Quỳnh Hợp, Nghệ An.
  - 7/1999 ÷ 10/2001: Trưởng phòng kỹ thuật - Văn phòng đại diện Lilama tại công trình nhà máy xi măng Hoàng Mai
  - 11/2001 ÷ 2/2004: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.
  - 3/2004 ÷ 10/2005: Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Xi măng Thăng Long.
  - 11/2005 ÷ 6/2007: Cán bộ kỹ thuật - Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng.
  - 7/2007 ÷ 10/2014: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 11/2014 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
    - + Sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ
    - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
    - + Những người có liên quan: Không



**Ông Lê Xuân Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị**

- Ngày sinh: 26/01/1959
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Xuân Phong, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Phòng 402 nhà 12 ngách 275/8 Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 230882448: ngày cấp 04/11/2010 nơi cấp: CA Kon Tum.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi
  
- Quá trình công tác:
  - 10/1981 ÷ 3/1990: Cán bộ - Sở Thủy lợi Gia Lai
  - 3/1990 ÷ 8/1993: Cán bộ kỹ thuật - Ban quản lý thủy điện YALY
  - 8/1993 ÷ 01/1994: Phó Trưởng phòng kỹ thuật - Ban quản lý thủy điện YALY
  - 01/1994 ÷ 7/1997: Phó phụ trách phòng dự án - Ban quản lý dự án thủy điện 4
  - 7/1997 ÷ 12/2002: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - Ban quản lý dự án thủy điện 4
  - 12/2002 ÷ 3/2011: Phó trưởng ban - Ban quản lý dự án thủy điện 4
  - 3/2011 ÷ 6/2011: Phó trưởng ban - Ban quản lý dự án ĐLTK Thái Bình
  - 6/2011 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban xây dựng - Tổng Công ty điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: Không
  - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
  - + Những người có liên quan: Không



## Ông Lê Thanh Nghị - Thành viên Hội đồng quản trị



- Ngày sinh: 24/10/1972
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Xã Mộc Nam, Huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
  - Địa chỉ thường trú: số 1 ngách 23 ngõ 46 phố Hoa Bằng, phường Yên hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
  - Số CMND: 012224932; Ngày cấp: 10/11/2005; Nơi cấp: Hà Nội
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
- Quá trình công tác:
- 1994 ÷ 1999: Kiểm toán viên - Công ty tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán – Bộ Tài chính
  - 1999 ÷ 2006: Trưởng phòng kiểm toán - Công ty tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán – Bộ Tài chính
  - 2006 ÷ 2007: Trưởng phòng kiểm toán nội bộ - Ngân hàng Bắc Á
  - 2007 ÷ 2009: Chủ tịch HĐQT, Giám đốc - Công ty TNHH Kiểm toán Âu Lạc
  - 2009 ÷ 2012: Phó Giám đốc - Công ty CP Quản lý Đầu tư Quốc tế
  - 2012 ÷ Hiện tại: Giám đốc - Công ty CP Quản lý Đầu tư Quốc tế; Thành viên HĐQT - Công ty CP Thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc - Công ty CP Quản lý Đầu tư Quốc tế:
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
    - + Sở hữu cá nhân: Không
    - + Sở hữu đại diện: Không
    - + Những người có liên quan: Không



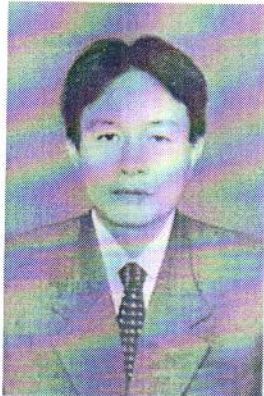
**Ông Hoàng Xuân Thành - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc**



- Ngày sinh: 13/6/1968
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lạc Sơn, Đô Lương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số nhà 3/2 ngõ 39 đường Vạn An, Khối Liên Cơ, Hưng Bình, Vinh, Nghệ An
- Số CMND: 181929789; ngày cấp: 20/12/2007; nơi cấp: Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
  
- Quá trình công tác:
  - 9/1990 ÷ 8/1991: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Nghệ Tĩnh
  - 9/1991 ÷ 4/1993: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính Hà Tĩnh
  - 5/1993 ÷ 5/2007: Thanh tra viên, thanh tra chính, phó chánh thanh tra tài chính - Sở Tài chính Nghệ An
  - 5/2007 ÷ 12/2014: Kế toán trưởng - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
  - 01/2015 ÷ Hiện tại: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: 7.600 cổ phần chiếm 0,003% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện 34.650.000 cổ phần chiếm 15,355% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam)
  - + Những người có liên quan: Không



## Ông Trần Văn Biên - Phó Giám đốc



- Ngày sinh: 05/02/1961
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Nghĩa Phú, Nghĩa Hưng, Nam Định
  - Địa chỉ thường trú: Phường Tân Hòa, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
  - Số CMND: 113346612; ngày cấp: 22/3/2006; nơi cấp: CA Hòa Bình
  - Trình độ văn hóa: 10/10
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ nhiệt luyện
- Quá trình công tác:
- 12/1984 ÷ 4/1995: Cán bộ kỹ thuật - Công ty Lilama 10
  - 5/1995 ÷ 5/2006: Đội trưởng thi công - Công ty Lilama 10
  - 6/2006 ÷ 9/2006: Phó trưởng phòng KTKT - Công ty Lilama 10
  - 10/2006 ÷ 6/2007: Chỉ huy trưởng công trình - Công ty Lilama 10
  - 06/2007 ÷ 11/2011: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 12/2011 ÷ Hiện tại: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
    - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần chiếm 0,0025% vốn điều lệ
    - + Sở hữu đại diện: Không
    - + Những người có liên quan: Không



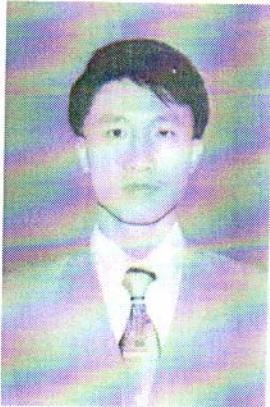
## Ông Nguyễn Xuân Sơn - Phó Giám đốc



- Ngày sinh: 11/6/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sơn Thịnh - Hương Sơn - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số CMND: 181287190; Ngày cấp: 29/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
  
- Quá trình công tác:
  - 7/1987 ÷ 6/1990: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Công Nông nghiệp 32, Nghệ An.
  - 7/1990 ÷ 12/1997: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 32, Nghệ An
  - 01/1998 ÷ 4/2004: Trưởng phòng Sản xuất - Kinh doanh Công ty Nông Công nghiệp 32, Nghệ An
  - 5/2004 ÷ 3/2007: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 32, Nghệ An
  - 4/2007 ÷ 8/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Đakđrinh
  - 8/2007 ÷ 12/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 1/2008 ÷ 4/2016: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 4/2016 ÷ Hiện tại: Phó Giám đốc - Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: 5.700 cổ phần chiếm 0,0025% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: Không
  - + Những người có liên quan: Không



## Ông Võ Trung Chính - Kế toán trưởng



- Ngày sinh: 08/5/1974
  - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
  - Quê quán: Xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
  - Địa chỉ thường trú: số nhà 03 đường Nguyễn Sỹ Quế, phường Hưng Dũng, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
  - Số CMND: 181936068; ngày cấp: 22/11/2008; nơi cấp: CA Nghệ An
  - Trình độ văn hóa: 12/12
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
- 02/1995 ÷ 6/2003: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-4
  - 7/2003 ÷ 7/2007: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH BOT Thủy điện Bảo Lộc
  - 8/2007 ÷ 12/2014: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
  - 01/2015 ÷ Hiện tại: Kế toán trưởng - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
    - + Sở hữu cá nhân: 4.300 cổ phần chiếm 0,002% vốn điều lệ
    - + Sở hữu đại diện: Không
    - + Những người có liên quan: Không



**+ BAN KIỂM SOÁT****Ông Lê Hải Long – Trưởng Ban kiểm soát**

- Ngày sinh: 31/01/1971
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ứng Hòa, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: A18 TT15 khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Số CMND: 001071004126 ngày cấp: 05/5/2015 nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  - 01/1996 ÷ 8/2001: Chuyên viên - Công ty xây dựng SunWay
  - 8/2001 ÷ 11/2007: Kiểm toán viên - Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) thành viên Kiểm toán Deloitte
  - 11/2007 ÷ 07/2008: Kiểm toán viên - Kiểm toán viên Công ty TNHH kiểm toán VACO
  - 7/2008 ÷ 6/2012 Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam Chuyên viên ban Tài chính kế toán và kiểm toán
  - 6/2012 ÷ Hiện tại: Phó Trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
  - 6/2012 ÷ 6/2013: Thành viên BKS - Công ty CP thủy điện Hòa Na
  - 06/2013 ÷ Hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - + Sở hữu đại diện: 0%
  - + Những người có liên quan: không

**Ông Vũ Thành Trung – Thành viên Ban kiểm soát**

- Ngày sinh: 07/10/1981
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh





- Quê quán: Hà Tân, Hà Trung, Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Nhà 40, 155/206 Trường Chinh, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số CMND: 012149581; ngày cấp: 21/11/2013; nơi cấp: CA Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 6/20103 ÷ 6/2006: Cán bộ đầu tư dự án - Dự án Kanematsu Corporation Nhật Bản
  - 8/2008 ÷ 10/2010: Trưởng phòng tư vấn đầu tư - CTCK Vincom Việt Nam
  - 11/2010 ÷ 12/2014: Giám đốc đầu tư - Công ty quản lý Quỹ đầu tư MB
  - 12/2014 ÷ 5/2015: Phó Tổng giám đốc - Công ty quản lý Quỹ đầu tư MB
  - 5/2015 ÷ 4/2017: Phó Giám đốc đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
  - 4/2017 ÷ Hiện tại: Quyền chánh văn phòng - VP CEO - Ngân hàng TMCP Quân đội
  - 06/2015 ÷ Hiện tại: Thành viên BKS - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Quyền chánh văn phòng – VP CEO - Ngân hàng TMCP Quân đội
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: không
  - + Sở hữu đại diện: 10.500.000 cổ phần sở hữu của Ngân hàng TMCP Quân Đội chiếm 4,65% vốn điều lệ
  - + Những người có liên quan: không

**Ông Phạm Mạnh Đức – Thành viên Ban kiểm soát**

- Ngày sinh: 26/8/1987
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Hậu - Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Căn 1104 tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Hà Nội



- Số CMND: 013457409 ngày cấp: 30/07/2011 nơi cấp: TP Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:
  - 09/2009 ÷ 01/2013 : Chuyên viên Kế toán - Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Hà Nội
  - 01/2013 ÷ Hiện tại: Chuyên viên Kế toán - Tổng công ty Lắp máy Việt Nam – CTCP
  - 06/2013 ÷ Hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban Tài chính kế toán – Tổng Công ty lắp máy Việt Nam.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: không
  - + Sở hữu đại diện: không
  - + Những người có liên quan: không

### **Ông Văn Tuấn Thạch – Thành viên Ban kiểm soát**

- Ngày sinh: 10/01/1983
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Chương – Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Nhà 5 ngõ 53 – phố dịch vọng – Cầu giấy – Hà Nội
- Số CMND: 040083000657 Ngày cấp: 30/3/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán và kiểm toán
- Quá trình công tác:
  - 12/2008 ÷ 10/2010 Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
  - 10/2010 ÷ Hiện tại: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.



- 06/2013 ÷ Hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: không
  - + Sở hữu đại diện: không
  - + Những người có liên quan: không

**Ông Bùi Huy Thành – Thành viên Ban kiểm soát**

- Ngày sinh: 30/4/1980
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Diễn Hùng, Diễn Châu, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1705, Chung cư Green view, Phường Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An;
- Số CMND: 182543016; ngày cấp: 31/3/2000; Nơi cấp: CA Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác:
  - 8/2006 ÷ 7/2007: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
  - 7/2007 ÷ 7/2009: Cán bộ kỹ thuật - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
  - 7/2009 ÷ 11/2011: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
  - 11/2011 ÷ Hiện tại: Trưởng phòng KT - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
  - 06/2013 ÷ Hiện tại: Thành viên BKS - Công ty CP Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan:
  - + Sở hữu cá nhân: 4.300 cổ phần chiếm 0,002% vốn điều lệ
  - + Sở hữu đại diện: không
  - + Những người có liên quan: không



2.3. *Những thay đổi trong Ban điều hành: Không*

2.4. *Nguồn nhân lực:*

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
-	Nam	97	84,35%
-	Nữ	18	15,65%
2	Theo hợp đồng lao động:		
-	Toàn thời gian	115	100%
-	Bán thời gian		
3	Theo trình độ:		
-	Đại học và trên đại học	51	44,35%
-	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	51	44,35%
-	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	9	7,83%
-	Phổ thông	4	3,47%
4	Theo chức vụ:		
-	Quản lý	10	8,7%
-	Văn phòng	43	37,39%
-	Công nhân	62	53,91%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>115</b>	





Do đặc thù ngành nghề của công ty đòi hỏi kỹ thuật và địa bàn hoạt động tại khu vực xa trung tâm nên số lượng lao động nữ chiếm số ít hơn so với lao động nam. Cụ thể lao động nữ chiếm 15,65% so với tổng số CBCNV.

Là một công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên dễ hiểu khi số lượng công nhân của Công ty lại chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của Công ty, chiếm 53,91%

Đa số nhân sự của Công ty có trình độ đại học trở lên, chiếm 44,35 % và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 44,35 % cơ cấu nhân viên trong công ty tham gia vào công tác sản xuất của Công ty.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.**

Trong năm 2017 Công ty đã ký kết và thực hiện 53 hợp đồng với tổng giá trị trước thuế là 63,63 tỷ đồng, trong đó:

- Giá trị hợp đồng thuộc dự án đầu tư là: 18,60 tỷ đồng.
- Giá trị hợp đồng thuộc sản xuất kinh doanh là: 45,03 tỷ đồng.

*Cụ thể:*

- + Hoàn thành công tác sửa chữa và bàn giao cho sở giao thông vận tải Nghệ An và đơn vị quản lý tuyến đường Tây Nghệ An đoạn từ km9+500 đến km37+166 đảm bảo đúng tiến độ vào ngày 10/7/2017.
- + Mua sắm, lắp đặt thiết bị, công trình: Mua sắm vật tư thiết bị dự phòng; Xây dựng bổ sung, cung cấp lắp đặt các thiết bị cần thiết cho các hạng mục công trình Nhà máy trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- + Công tác bảo trì, sửa chữa các hạng mục công trình xây dựng thuộc nhà máy Thủy điện Hòa Na.
- + Tiếp tục thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và Tái định cư dự án Thủy điện Hòa Na theo đúng chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền và đảm bảo yêu cầu tiến độ.

Trong quá trình đầu tư dự án và quản lý sản xuất kinh doanh, Công ty luôn sử dụng vốn, tài sản đúng mục đích. Công tác quản lý chi phí, giá thành luôn được thực hiện tiết kiệm phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh.



#### 4. Tình hình tài chính.

##### 4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016 (VNĐ)	Năm 2017 (VNĐ)	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	4.972.465.005.427	4.869.021.830.705	-2,08%
Doanh thu thuần	519.245.699.230	650.526.661.452	25,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(52.670.119.087)	9.819.054.851	-118,64%
Lợi nhuận khác	1.602.854.281	(367.048.000)	-122,90%
Lợi nhuận trước thuế	(51.067.264.806)	9.452.006.851	-118,51%
Lợi nhuận sau thuế	(51.868.455.971)	9.452.006.851	-118,22%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

##### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% Thay đổi
<b>1</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,50	0,45	91,11%
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	0,50	0,45	90,03%
<b>2</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,55	0,54	97,91%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,22	1,17	95,47%
<b>3</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
	Vòng quay hàng tồn kho	-	257,76	-
	Vòng quay khoản phải thu	2,15	10,90	506,76%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,10	0,13	127,94%
<b>4</b>	<b>Chỉ tiêu khả năng về sinh lời</b>			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	(9,99)	1,45	-14,55%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	(2,32)	0,42	-18,15%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	(1,04)	0,19	-18,61%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	(10,14)	1,51	-14,88%



**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.****5.1. Cổ phần.**

Tại thời điểm 31/12/2017, thông tin Cổ phần của Công ty như sau:

- Vốn điều lệ của Công ty:	2.256.592.100.000 đồng.
- Tổng số cổ phần niêm yết:	225.659.210 cổ phần
- Tổng số cổ phần lưu hành:	225.659.210 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	225.659.210 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/1 cổ phần

**5.2. Cơ cấu Cổ đông:**

Theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	(Tỷ lệ %)
<b>1</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>225.659.210</b>	<b>100,00%</b>
	- Tổ chức	223.797.095	99,17%
	- Cá nhân	1.862.115	0,83%
<b>2</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-
	- Tổ chức	-	-
	- Cá nhân	-	-

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>1</b>	<b>Cổ đông Nhà nước</b>	<b>189.872.760</b>	<b>84,14%</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông sáng lập</b>	<b>198.592.787</b>	<b>88,01%</b>
<b>3</b>	<b>Cổ đông lớn (sở hữu <math>\geq</math> 5% vốn CP)</b>	<b>201.422.760</b>	<b>89,26%</b>
	- Trong nước	201.422.760	89,26%
	- Nước ngoài	0	0%
<b>4</b>	<b>Các cổ đông khác</b>	<b>15.516.423</b>	<b>6,88%</b>
	- Trong nước	15.516.423	6,88%
	- Nước ngoài	0	0%



**Danh sách cổ lớn**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	0102276173	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội	189.872.760	84,141%
2	Ngân hàng TMCP Bắc Á	2900325526	Số 117 Quang Trung, thành phố Vinh, Nghệ An	11.550.000	5,118%

5.3. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có.

5.4. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

5.5. **Các chứng khoán khác:** Không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Dầu tuốc bin: 2.269 lít;
- Dầu diesel: 900 lít.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không*.

**6.2. Tiêu thụ năng lượng:**

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 788.61 MWh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: *Không có*.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: *Không có*.



**6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)**

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện; lượng nước mặt đã sử dụng để sản xuất điện năm 2017 vào khoảng: 2,7 tỷ m<sup>3</sup>.
- b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng; *Không*. Đơn vị chỉ khai thác sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện.

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*.
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không*.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động**

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
  - Số lượng lao động trung bình trong năm 2017 là: 115 người
  - Thu nhập bình quân là: 16,8 triệu đồng/người/tháng
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
  - *Chế độ làm việc*: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.
  - *Chính sách tuyển dụng*: Công ty đang thực hiện áp dụng chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.
  - *Chính sách lương thưởng và phúc lợi*: Công ty có chính tiền lương, tiền thưởng phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.
- c. Hoạt động đào tạo người lao động
  - *Chính sách đào tạo*: Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: i) Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trong vận hành, bảo trì sửa chữa và quản lý kỹ thuật Nhà máy thủy điện, đồng thời



hợp tác đào tạo với các Công ty, Nhà máy trong cùng lĩnh vực; ii) Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành để chủ động hơn trong việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý vận hành, có tính đến hiệu quả sử dụng nguồn nước, tiếp tục nâng cao hệ thống quy trình vận hành tránh rủi ro cho Nhà máy; iii) Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc. Cử cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo; iv) Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong công việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong những năm tiếp theo.

- Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các khóa đào tạo ngắn và trung hạn cho 261 lượt CBCNV, cụ thể: khóa tập huấn chính sách thuế mới; khóa đào tạo kiến thức cơ bản về đánh giá rủi ro các công trình; tham quan học tập kinh nghiệm quản lý vận hành tại nhà máy thủy điện Bản Vẽ, Hòa Bình; bồi dưỡng nghiệp vụ an ninh an toàn phòng chống khủng bố; đào tạo nâng cao công nghệ cơ khí; khóa huấn luyện nghiệp vụ PCCC cơ sở; khóa đào tạo về ăn mòn và kiểm soát ăn mòn vật liệu; đào tạo cập nhật phần mềm kế toán mới; đào tạo nâng cao về Role bảo vệ điện; khóa học cơ bản về công tác tổ chức đăng ký chứng khoán; khóa đào tạo công nghệ hàn hơi, hàn điện; huấn luyện nghiệp vụ ATSKMT cho ATSV, hội thao ATSKLD - PCCN và Hội nghị ATSKMT; thi nâng bậc và giữ bậc đối với nhân viên vận hành sửa chữa, lớp tập huấn y tế với tổng kinh phí là 558,01 triệu đồng.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua. Trong năm 2017 Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, cụ thể:

- Hỗ trợ Tặng quà cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn ở huyện Quế Phong nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Mùi năm 2017 số tiền: 30.000.000 VNĐ.
- Ủng hộ xây dựng nhà tưởng niệm Hồ Chí Minh tại đền Chín gian, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An số tiền: 100.000.000 VNĐ.
- Ủng hộ đồng bào các tỉnh Tây Bắc khắc phục hậu quả thiên tai số tiền: 23.000.000 VNĐ.



### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh.

##### 1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện	Tr.kw.h	645,06	734,35	114%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	571,60	579,15	101%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	570,14	569,50	100%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,45	9,45	652%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	128,90	135,17	105%

- Công ty luôn duy trì và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 và Thực hành 5S.
- Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.
- Công tác vận hành nhà máy, điều tiết hồ chứa gặp thuận lợi do 2 tổ máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.
- Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.
- Công tác điều hành quản lý vận hành chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, nội dung, quy định của Công ty. Trong năm Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.



- Năm 2017 sản lượng điện thực hiện vượt 14%; Doanh thu thực hiện vượt 1% so với kế hoạch. Để hoàn thành chỉ tiêu doanh thu trong năm 2017, mặc dù rất khó khăn nhưng Công ty đã phấn đấu, tính toán phát điện bám sát thị trường, kết hợp tình hình thủy văn thuận lợi để phát điện đạt doanh thu đề ra. Đến 31/12/2017 mực nước hồ đạt cao trình ~239m, đáp ứng nhu cầu cho SXKD năm 2018.

### 1.2. Những tiến bộ, kết quả đã đạt được

- Công tác thị trường điện: Ban điều hành luôn luôn bám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường điện.
- Công tác lao động tiền lương: Tổng số lao động tính đến thời điểm ngày 31/12/2017 là 115 người, thu nhập bình quân là 16,8 triệu đồng/người/tháng.

## 2. Tình hình tài chính:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	%
<b>1</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>196.987.472.917</b>	<b>253.863.018.842</b>	<b>128,87%</b>
	Tiền và các khoản tương đương tiền	119.698.140.125	190.207.431.637	158,91%
	Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	5.000.000.000	50,00%
	Các khoản phải thu ngắn hạn	63.672.638.287	55.644.005.882	87,39%
	Hàng tồn kho	-	3.011.581.323	
	Tài sản ngắn hạn khác	3.616.694.505	-	
<b>2</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>4.775.477.532.510</b>	<b>4.615.158.811.863</b>	<b>96,64%</b>
	Tài sản cố định	4.665.044.859.155	4.485.866.214.190	96,16%
	Tài sản dở dang dài hạn	104.133.756.288	119.578.756.653	114,83%
	Tài sản dài hạn khác	6.298.917.067	9.713.841.020	154,21%
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.972.465.005.427</b>	<b>4.869.021.830.705</b>	<b>97,92%</b>
<b>3</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>2.736.309.189.712</b>	<b>2.623.414.008.139</b>	<b>95,87%</b>
	Nợ ngắn hạn	395.732.312.942	559.759.077.408	141,45%
	Nợ dài hạn	2.340.576.876.770	2.063.654.930.731	88,17%



## Tài sản

- Nhìn chung, tài sản của Công ty không biến động nhiều giữa các năm. Tính đến 31/12/2017, Tổng tài sản của Công ty là hơn 4.869 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2016. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 28,87%, tài sản dài hạn giảm 3,36%.
- Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền chiếm tỷ trọng lớn 74,93%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho.

## Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2017, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 2.623 tỷ đồng giảm so với năm 2016. Các khoản nợ của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2017, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty phát huy đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc văn hóa kinh doanh, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.
- Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.
- Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.
- Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước. Công ty đảm bảo môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị Công ty,



hướng tới áp dụng thành công các hệ thống quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các biện pháp hỗ trợ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

##### 4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch 2018
1	Sản lượng điện thương mại	triệu kWh	650,35
2	Chỉ tiêu tài chính		
	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.256,6
	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	660,46
	Tổng chi phí	Tỷ đồng	653,49
	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6,97
	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6,97
	Hệ số nợ/vốn điều lệ	lần	1,23
	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	0,31
3	Đào tạo (180 lượt người)	Tỷ đồng	0,56
4	Giá thành	Đồng/kWh	892
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	138,4
6	Lao động	Người	117
7	Quỹ tiền lương	Tỷ đồng	21,75

#### Giải pháp thực hiện:

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.
- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố.
- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.



#### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	645,06	734,35	114%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	571,60	579,15	101%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	570,14	569,50	100%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	1,45	9,45	652%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	128,90	135,17	105%

Năm 2017 công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện. Năm 2017 tình hình thủy văn thuận lợi sản lượng điện đạt 114% so với kế hoạch. Nhờ thực hiện tốt công tác chào giá trên thị trường điện nên hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả cao, các chỉ tiêu kinh tế đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận vượt so với kế hoạch đề ra.

- Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt, chủ động theo quy định nên giảm thiểu tốt đa thiệt hại do bão lũ gây ra.
- Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.
- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành.
- Công tác mua sắm các thiết bị đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.
- Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: i) Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ii) Song song với việc sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ lụt, ...



## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc.
- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Trong năm 2017, nhìn chung Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

## 3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với các chỉ tiêu chính như sau: Sản lượng điện phân đầu đạt 650,35 triệu kWh, tổng doanh thu 660,46 tỷ đồng, tổng chi phí 653,49 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 6,97 tỷ đồng. Khai thác hợp lý hồ chứa để đảm bảo tích nước phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2019.

Để hoàn thành các chỉ tiêu nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, chiến lược trong năm 2018 của Công ty như sau:

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.
- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất cho Công ty khi tham gia thị trường điện cạnh tranh.
- Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch		9	100%
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV		9	100%
3	Lê Xuân Tùng	TV		8	88,89%
4	Lê Thanh Nghị	TV		7	77,78%
5	Hoàng Xuân Thành	TV		9	100%

#### 1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Năm 2017, thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một các khách quan.

#### 1.5. Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty: 3/5 thành viên

#### 1.6. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2017

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2017/NQ-HĐQT-HHC	18/01/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 01 năm 2017
2	02-2017/NQ-HĐQT-HHC	22/03/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 02 năm 2017
3	03-2017/NQ-HĐQT-HHC	23/05/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 03 năm 2017
4	04-2017/NQ-HĐQT-HHC	30/06/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 04 năm 2017



5	05-2017/NQ-HĐQT-HHC	01/08/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 05 năm 2017
6	06-2017/NQ-HĐQT-HHC	20/09/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 06 năm 2017
7	07-2017/NQ-HĐQT-HHC	08/11/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 07 năm 2017
8	08-2017/NQ-HĐQT-HHC	08/12/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 08 năm 2017
9	09-2017/NQ-HĐQT-HHC	26/12/2017	Nghị quyết phiên họp HĐQT lần thứ 09 năm 2017

## 2. Ban kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết
1	Ông Lê Hải Long	Trưởng BKS	0%
2	Ông Văn Tuấn Thạch	Thành viên BKS	0%
3	Ông Vũ Thành Trung	Thành viên BKS	0%
4	Ông Phạm Mạnh Đức	Thành viên BKS	0%
5	Ông Bùi Huy Thành	Thành viên BKS	0,002%

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Các báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.
- Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc điều hành và quản trị công ty.



- Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.
- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại đơn vị.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2017 thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty; Ban kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

### **2.3. Nhận xét đánh giá của Ban kiểm soát**

- Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.
- Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, chi tiêu đúng mục đích, hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Hạn chế tốt đa các khoản tạm ứng cá nhân và phải hoàn tạm ứng theo đúng quy định (nếu có).

## **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:**

### **3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**



3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách, Giám đốc, cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập trong năm
1	Nguyễn Mạnh Hùng	CT HĐQT	12	622.080.000
2	Trịnh Bảo Ngọc	TV HĐQT, Giám đốc	12	620.640.000
3	Hoàng Xuân Thành	TV HĐQT, Phó Giám đốc	12	617.760.000
4	Trần Văn Biên	Phó Giám đốc	12	619.200.000
5	Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc	12	617.760.000
6	Võ Trung Chính	Kế toán trưởng	12	616.320.000
7	Phan Bá Chiến	Trưởng phòng KTKH	12	395.491.853
8	Ngô Đăng Tiến	Trưởng phòng KTCN	12	443.343.839
9	Cao Thanh Cát	Quản đốc Phân xưởng VH-SC	12	455.027.822

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Thù lao trong năm
1	Lê Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	12	30.000.000
2	Lê Thanh Nghị	Thành viên HĐQT	12	30.000.000
3	Lê Hải Long	Trưởng BKS	12	24.000.000
4	Văn Tuấn Thạch	TV BKS	12	18.000.000
5	Bùi Huy Thành	TV BKS	12	18.000.000
6	Vũ Thành Trung	TV BKS	12	18.000.000
7	Phạm Mạnh Đức	TV BKS	12	18.000.000



- 3.2. *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có*
- 3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có*
- 3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty.*

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Đính kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Hùng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017**

---

*Tháng 02 năm 2018*





**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Xuân Tùng	Ủy viên
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên
Ông Lê Thanh Nghị	Ủy viên
Ông Hoàng Xuân Thành	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc
Ông Trần Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc

#### **Kế toán trưởng**

Ông Võ Trung Chính

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.




## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng có hiệu lực từ ngày 01/08/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Trịnh Bảo Ngọc**

**Giám đốc**

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 22/02/2018, từ trang 06 đến trang 32 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31/12/2017 Nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền khoảng 306,5 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016 khoảng 198,7 tỷ VND). Dấu hiệu này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các kế hoạch của Ban Giám đốc liên quan đến vấn đề này đã được trình bày tại Thuyết minh số 2. Theo đó, Báo cáo tài chính này vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 20 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận số lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhận rồi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hòa Na tại khoản mục "Vốn khác của chủ sở hữu" trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 64.985.781.295 VND theo hướng dẫn tại công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán.

Các vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên đã trình bày.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Nguyễn Tự Trung**

**Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**Nguyễn Thị Thu Hà**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2277-2018-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>253.863.018.842</b>	<b>196.987.472.917</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	190.207.431.637	119.698.140.125
Tiền	111		69.432.883.327	63.661.473.458
Các khoản tương đương tiền	112		120.774.548.310	56.036.666.667
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	5.000.000.000	10.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>55.644.005.882</b>	<b>63.672.638.287</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	50.141.385.097	51.891.266.519
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.759.297.128	7.712.944.732
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.064.127.657	4.068.427.036
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.320.804.000)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>3.011.581.323</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		3.011.581.323	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>3.616.694.505</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	-	3.616.694.505
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.615.158.811.863</b>	<b>4.775.477.532.510</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.485.866.214.190</b>	<b>4.665.044.859.155</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.485.866.214.190	4.665.044.859.155
- Nguyên giá	222		5.754.040.117.609	5.662.002.254.042
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.268.173.903.419)	(996.957.394.887)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>119.578.756.653</b>	<b>104.133.756.288</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	119.578.756.653	104.133.756.288
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.713.841.020</b>	<b>6.298.917.067</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.296.889.333	2.186.184.877
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12	8.416.951.687	4.112.732.190
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.869.021.830.705</b>	<b>4.972.465.005.427</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.623.414.008.139</b>	<b>2.736.309.189.712</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>559.759.077.408</b>	<b>395.732.312.942</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	129.485.440.210	152.297.708.234
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	4.052.700.398	7.443.340.553
Phải trả người lao động	314		7.958.450.346	2.890.958.130
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	19.324.370.363	19.867.307.269
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	10.531.013.847	11.391.558.943
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	388.383.720.826	201.751.058.395
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		23.381.418	90.381.418
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.063.654.930.731</b>	<b>2.340.576.876.770</b>
Phải trả dài hạn khác	337	17	306.580.000	258.024.600
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	2.063.348.350.731	2.340.318.852.170
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.245.607.822.566</b>	<b>2.236.155.815.715</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>2.245.607.822.566</b>	<b>2.236.155.815.715</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.256.592.103.444	2.256.592.103.444
Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.792.700.882	5.792.700.882
(Lỗi) lũy kế	421		(81.762.763.055)	(91.214.769.906)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(91.214.769.906)	(39.346.313.935)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		9.452.006.851	(51.868.455.971)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.869.021.830.705</b>	<b>4.972.465.005.427</b>



**Trình Bảo Ngọc**  
 Giám đốc  
 Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**Võ Trung Chính**  
 Kế toán trưởng

**Trần Thị Thu Hà**  
 Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	650.526.661.452	519.245.699.230
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		650.526.661.452	519.245.699.230
Giá vốn hàng bán	11	22	388.136.611.621	308.261.698.907
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		262.390.049.831	210.984.000.323
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.072.956.372	1.149.768.134
Chi phí tài chính	22	25	232.566.779.120	246.488.594.382
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		232.566.779.120	246.488.594.382
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.077.172.232	18.315.293.162
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.819.054.851	(52.670.119.087)
Thu nhập khác	31		2.952.000	2.326.920.422
Chi phí khác	32		370.000.000	724.066.141
Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(367.048.000)	1.602.854.281
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.452.006.851	(51.067.264.806)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	801.191.165
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	27	9.452.006.851	(51.868.455.971)
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	42	(230)



**Trịnh Bảo Ngọc**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**Võ Trung Chính**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Thu Hà**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01	9.452.006.851	(51.067.264.806)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	271.216.508.532	265.284.647.342
Các khoản dự phòng	03	2.320.804.000	-
Lãi hoạt động đầu tư	05	(3.072.956.372)	(1.149.768.134)
Chi phí lãi vay	06	232.566.779.120	246.488.594.382
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	512.483.142.131	459.556.208.784
Giảm các khoản phải thu	09	4.843.873.314	361.546.153.986
Tăng hàng tồn kho	10	(3.011.581.323)	-
Giảm/(Tăng) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.766.983.291)	105.387.233.803
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	4.505.990.049	(7.430.951.538)
Tiền lãi vay đã trả	14	(227.815.942.047)	(240.983.641.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(148.439.655)	(652.751.510)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	163.657.299	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(182.101.899)	(110.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	289.071.614.578	677.312.252.359
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(135.301.932.753)	(495.277.776.639)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(10.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.077.448.695	1.380.037.417
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	(128.224.484.058)	(503.897.739.222)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	140.839.472.550	429.506.502.602
Tiền trả nợ gốc vay	34	(231.177.311.558)	(516.900.090.255)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	(90.337.839.008)	(87.393.587.653)
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	70.509.291.512	86.020.925.484
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	4	119.698.140.125
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	4	190.207.431.637
			119.698.140.125



**Trịnh Bảo Ngọc**  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

**Võ Trung Chính**  
Kế toán trưởng

**Trần Thị Thu Hà**  
Người lập biểu



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 ngày 16 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp và các giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 7, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 117 người (tại ngày 31/12/2016: 116 người).

#### **1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư xây dựng nhà ở văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất, sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Kinh doanh khách sạn;
  - Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2017 là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hòa Na.

Chu trình sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.3 HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 31/12/2017, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 306,5 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016: 198,7 tỷ VND), trong đó Công ty có khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả là 388,34 tỷ VND (tại ngày 31/12/2016: khoảng 201,7 tỷ VND). Để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty. Theo đó, Ban Giám đốc đánh giá rằng Báo cáo tài chính được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục là phù hợp. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 chưa bao gồm những điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của vấn đề không chắc chắn nêu trên.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

##### *Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi có biên bản xác nhận lượng điện phát lên lưới điện Quốc gia.

Từ năm tài chính 2017, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước theo hợp đồng mua bán điện số 01/2013/HĐ-NMĐ ngày 30/01/2013 giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Từ năm tài chính 2016 trở về trước, Công ty không ghi nhận phần phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước vào doanh thu cũng như giá vốn bán điện ( năm 2017 thì ghi nhận vào doanh thu lẫn giá vốn). Phương pháp ghi nhận này không ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm 2016 trở về trước. Phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước năm 2016 là 53.256.885.591 đồng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần có thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho tới khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

**3.10 THUẾ**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch, tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hòa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động, được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.11 CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn các tài sản đặc thù của Nhà máy Thủy điện Hủa Na với mức trích hàng năm là 10.738.672.489 đồng, theo chu kỳ 4 năm bắt đầu từ năm 2017 (năm thực hiện đại tu). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty đã thực hiện bù trừ số dư dự phòng phải trả với chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh thực tế lũy kế tới 31/12/2017.

**3.13 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo đơn vị kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Công ty chỉ phát sinh duy nhất một hoạt động kinh doanh là sản xuất và kinh doanh điện năng, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trên cùng một khu vực địa lý (Nhà máy Thủy điện Hủa Na). Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cũng như lĩnh vực kinh doanh cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	100.742.150	367.024.649
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.332.141.177	63.294.448.809
Các khoản tương đương tiền (*)	120.774.548.310	56.036.666.667
	<u>190.207.431.637</u>	<u>119.698.140.125</u>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại các ngân hàng thương mại.

**5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31/12/2017 phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 6 tháng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An. Lãi suất áp dụng 5,3%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	50.141.385.097	51.863.361.834
Đối tượng khác	-	27.904.685
	<u>50.141.385.097</u>	<u>51.891.266.519</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty Xây dựng 319 - Bộ Quốc phòng (*)	2.320.804.000	2.320.804.000
Doanh nghiệp tư nhân Thạch Phát	841.120.828	1.211.473.789
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	171.231.898	-
Các đối tượng khác	1.426.140.402	4.180.666.943
	<b>4.759.297.128</b>	<b>7.712.944.732</b>

(\*) Công nợ được trích lập dự phòng với tỷ lệ 100%.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Lãi dự thu	389.723.367	-	132.097.333	-
- Giá trị Đường dây 220 KV bàn giao cho Công ty Truyền tải Điện 1	-	-	2.929.046.206	-
- Tạm ứng	584.424.155	-	773.453.331	-
- Hội đồng bồi thường và tái định cư Công trình Thủy điện Hòa Na	1.986.507.811	-	-	-
- Phải thu khác	103.472.324	-	233.830.166	-
	<b>3.064.127.657</b>	<b>-</b>	<b>4.068.427.036</b>	<b>-</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.011.581.323	-	-	-
	<b>3.011.581.323</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	<b>3.616.694.505</b>
- Chi phí bảo hiểm nhà máy	-	3.616.694.505
<b>Dài hạn</b>	<b>1.296.889.333</b>	<b>2.186.184.877</b>
- Thiết bị vật tư xuất dùng cho nhà máy	1.296.889.333	2.186.184.877
	<b>1.296.889.333</b>	<b>5.802.879.382</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
Công trình Thủy điện Hủa Na	112.822.055.419	112.822.055.419	104.133.756.288	104.133.756.288
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.756.701.234	6.756.701.234	-	-
	<b>119.578.756.653</b>	<b>119.578.756.653</b>	<b>104.133.756.288</b>	<b>104.133.756.288</b>

Tại ngày 31/12/2017, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang Công trình Thủy điện Hủa Na phản ánh chi phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng và hỗ trợ tái định cư và chi phí khác chờ quyết toán.

Chi phí sửa chữa lớn Tài sản cố định là chi phí sửa chữa lớn thực tế được tập hợp cho một chu kỳ sửa chữa trong vòng 4 năm. Số dư tại ngày 31/12/2017 là số sau khi bù trừ giữa chi phí thực tế lũy kế bù trừ khoản dự phòng đã thực hiện trích đến thời điểm lập Báo cáo tài chính (Xem thêm tại Thuyết minh số 3.12). Công ty sẽ thực hiện quyết toán sau cuối mỗi chu kỳ và ghi nhận phần chênh lệch giữa chi phí sửa chữa thực tế phát sinh và chi phí đã ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm cuối chu kỳ.

**12. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

Tại ngày 31/12/2017, số dư thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị vật tư dự phòng thay thế cho Nhà máy Thủy điện Hủa Na, nhận bàn giao từ Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2017	4.149.736.980.408	1.500.494.027.540	7.375.940.420	4.395.305.674	5.662.002.254.042
- Mua mới trong năm	-	1.093.420.600	-	-	1.093.420.600
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	70.116.512.169	20.827.930.798	-	-	90.944.442.967
<b>31/12/2017</b>	<b>4.219.853.492.577</b>	<b>1.522.415.378.938</b>	<b>7.375.940.420</b>	<b>4.395.305.674</b>	<b>5.754.040.117.609</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2017	(576.557.890.649)	(411.084.967.572)	(6.708.165.718)	(2.606.370.948)	(996.957.394.887)
- Khấu hao trong năm	(171.797.275.900)	(98.115.369.228)	(514.877.722)	(788.985.682)	(271.216.508.532)
<b>31/12/2017</b>	<b>(748.355.166.549)</b>	<b>(509.200.336.800)</b>	<b>(7.223.043.440)</b>	<b>(3.395.356.630)</b>	<b>(1.268.173.903.419)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2017	3.573.179.089.759	1.089.409.059.968	667.774.702	1.788.934.726	4.665.044.859.155
<b>31/12/2017</b>	<b>3.471.498.326.028</b>	<b>1.013.215.042.138</b>	<b>152.896.980</b>	<b>999.949.044</b>	<b>4.485.866.214.190</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 15.462.370.705 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>129.485.440.210</b>	<b>129.485.440.210</b>	<b>152.297.708.234</b>	<b>152.297.708.234</b>
- Ban điều hành Dự án Thủy điện Hủa Na - Tổng Công ty Sông Đà	73.205.222.023	73.205.222.023	79.717.032.931	79.717.032.931
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	5.311.234.892	5.311.234.892	12.311.234.892	12.311.234.892
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	32.300.822.607	32.300.822.607	38.131.385.328	38.131.385.328
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	4.088.834.164	4.088.834.164	2.275.592.594	2.275.592.594
- Các đối tượng khác	14.579.326.524	14.579.326.524	19.862.462.489	19.862.462.489
	<b>129.485.440.210</b>	<b>129.485.440.210</b>	<b>152.297.708.234</b>	<b>152.297.708.234</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>36.389.656.771</b>	<b>36.389.656.771</b>	<b>40.406.977.922</b>	<b>40.406.977.922</b>
Chi tiết xem tại Thuyết minh số 30	36.389.656.771	36.389.656.771	40.406.977.922	40.406.977.922

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	2.944.696.937	56.747.817.860	59.310.757.410	381.757.387
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.439.655	-	148.439.655	-
- Thuế thu nhập cá nhân	147.899.647	323.720.098	421.306.134	50.313.611
- Thuế tài nguyên	2.588.690.654	59.924.748.513	62.513.439.167	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.278.000	1.278.000	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí dịch vụ môi trường rừng	1.613.613.660	14.777.898.660	12.770.882.920	3.620.629.400
	<b>7.443.340.553</b>	<b>131.778.463.131</b>	<b>135.169.103.286</b>	<b>4.052.700.398</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Lãi vay dự trả	13.375.636.327	8.624.799.254
Chi phí phải trả bảo hiểm	879.620.745	4.340.033.372
Chi phí sửa chữa thường xuyên tài sản cố định	-	3.292.560.082
Chi phí phải trả các nhà thầu	4.411.042.291	3.093.736.564
Chi phí phải trả khác	658.071.000	516.177.997
	<b>19.324.370.363</b>	<b>19.867.307.269</b>

**17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.531.013.847</b>	<b>11.391.558.943</b>
- Kinh phí công đoàn	13.568.153	53.137.386
- Đoàn phí công đoàn	10.622.692	40.515.133
- Bảo hiểm xã hội	31.718.535	44.045.778
- Bảo hiểm y tế	7.427.182	6.258.387
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.055.680	242.004
- Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng (*)	10.281.321.535	9.912.768.287
- Hội đồng bồi thường Công trình Thủy điện Hòa Na	-	1.169.509.889
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	185.300.070	165.082.079
<b>Dài hạn</b>	<b>306.580.000</b>	<b>258.024.600</b>
- Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	306.580.000	258.024.600
	<b>10.837.593.847</b>	<b>11.649.583.543</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2017, số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng phản ánh khoản thuế tài nguyên, thuế GTGT và thuế bảo vệ môi trường mà Công ty tạm tính tương ứng với doanh thu phát điện lưới tháng 12/2017 nhưng chưa kê khai, nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA**

Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An

Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>6.475.333.218</b>	<b>6.475.333.218</b>	<b>36.229.417.249</b>	<b>45.179.220.045</b>	<b>15.425.136.014</b>	<b>15.425.136.014</b>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh (*)	6.475.333.218	6.475.333.218	36.229.417.249	45.179.220.045	15.425.136.014	15.425.136.014
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>381.908.387.608</b>	<b>381.908.387.608</b>	<b>381.580.556.740</b>	<b>185.998.091.513</b>	<b>186.325.922.381</b>	<b>186.325.922.381</b>
- Xem thêm tại thuyết minh số 19	381.908.387.608	381.908.387.608	381.580.556.740	185.998.091.513	186.325.922.381	186.325.922.381
<b>Cộng</b>	<b>388.383.720.826</b>	<b>388.383.720.826</b>	<b>417.809.973.989</b>	<b>231.177.311.558</b>	<b>201.751.058.395</b>	<b>201.751.058.395</b>

(\*) Ngày 28/8/2017 Công ty ký Hợp đồng tín dụng số 0040.HĐTD2-404.17 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh, hạn mức 50 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng. Mục đích cấp tín dụng để đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản chi phí và các khoản thuế, phí, tiền môi trường rừng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thủy điện. Lãi suất cho vay thả nổi được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty từ kinh doanh điện.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An

Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (1)	1.164.259.742.579	1.164.259.742.579	-	308.079.364.000	1.472.339.106.579	1.472.339.106.579
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (2)	197.751.118.976	197.751.118.976	-	35.952.000.000	233.703.118.976	233.703.118.976
- Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	293.852.929.176	293.852.929.176	-	12.533.752.740	306.386.681.916	306.386.681.916
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (4)	407.484.560.000	407.484.560.000	104.610.055.301	25.015.440.000	327.889.944.699	327.889.944.699
<b>Cộng</b>	<b>2.063.348.350.731</b>	<b>2.063.348.350.731</b>	<b>104.610.055.301</b>	<b>381.580.556.740</b>	<b>2.340.318.852.170</b>	<b>2.340.318.852.170</b>

(1) Ngày 16/10/2008, Công ty ký hợp đồng tín dụng đầu tư số 382/HĐTĐĐT/NHPT với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 2.240 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất theo lãi suất công bố của Bộ Tài chính theo từng thời điểm giải ngân, lãi vay trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này.

Ngày 19/10/2011, Công ty ký hợp đồng tín dụng đầu tư (cho vay bổ sung) số 68/2011/HĐTĐĐT-NHPT với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với số tiền vay là 411 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thực hiện đầu tư các hạng mục xây dựng và thiết bị của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hòa Na. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2013 đến năm 2020, chịu lãi suất thỏa thuận cố định 15,6%/năm. Ngày 03/02/2015, Công ty đã ký Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 06/2015/HĐTĐĐT-NHPT-NAN điều chỉnh mức lãi suất này về 11%/năm, áp dụng từ ngày 01/01/2015. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho khoản vay này. Ngày 28/04/2017, Công ty ký hợp đồng sửa đổi bổ sung số 07/2017/HĐSD,BS-NHPT-NAN, nội dung sửa đổi lịch trả nợ gốc, lãi suất của Hợp đồng số 382 và Hợp đồng số 68.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

- (2) Ngày 05/03/2012, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 12.08.005/HĐTD/HUANA với Ngân hàng TTMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 400 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ của Dự án Xây dựng Công trình Thủy điện Hủa Na. Theo Thông báo số 138/TB-CNTPHN ngày 16/01/2013, Ngân hàng TTMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội điều chỉnh tổng hạn mức tín dụng cho Công ty thành 371,216 tỷ VND. Khoản vay sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2024, chịu lãi suất cơ sở cộng 4,5%/năm, lãi vay trả hàng tháng, lãi áp dụng tại ngày 31/12/2017 là 9,5%/năm. Công ty sử dụng tài sản hình thành trong tương lai của dự án và bảo lãnh của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay này.
- (3) Ngày 18/8/2009, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn đồng tài trợ với 03 (ba) ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Pvccombank) và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á. Theo Phụ lục hợp đồng số 01.09.001.286688.TD tháng 8 năm 2012, khoản vay đồng tài trợ này thay đổi chỉ còn 02 (hai) ngân hàng tài trợ bao gồm MB (ngân hàng đầu mối) và PvcomBank với tổng số tiền cho vay vốn là 328,784 tỷ VND. Các khoản vay được Công ty dùng để thanh toán một phần các chi phí đầu tư máy móc thiết bị thủy công, thủy lực của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay này được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2014 đến năm 2023, chịu lãi suất bình quân lãi suất tham chiếu cộng 4,2%/năm nhưng không thấp hơn bình quân lãi suất cho vay trung dài hạn tối thiểu của các bên cho vay (10,25%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017), lãi vay trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ công trình, quyền tài sản hình thành từ công trình, bất động sản khác và bảo lãnh thanh toán của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay này.
- (4) Ngày 17/12/2012, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 200 tỷ. Mục đích của khoản vay là thanh toán các chi phí thi công của Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2015 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (trả lãi sau) của 05 (năm) ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình cộng biên độ 4,2%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu trung/dài hạn theo quy định của Ngân hàng TMCP An Bình (9,54%/năm tại ngày 31/12/2017), lãi trả 6 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án, cam kết trả nợ thay của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và số dư tài khoản/hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na và/hoặc Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam và/hoặc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Ngày 21/01/2016, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội với số tiền vay là 300 tỷ VND. Mục đích của khoản vay là tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na do Công ty là chủ đầu tư. Khoản vay được trả làm nhiều lần bắt đầu từ năm 2017 đến năm 2024, chịu lãi suất bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng (lãi trả sau) của 03 (ba) Ngân hàng bao gồm Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình cộng biên độ 1,5%/năm trong năm thứ hai và 2,2%/năm từ năm thứ ba, lãi vay trả 6 tháng/lần (8,4%/năm tại ngày 31/12/2017). Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Chi tiết khoản vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng của từng Ngân hàng như sau:

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Nghệ An	308.079.364.000	115.853.627.905
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	35.952.000.000	35.952.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	12.877.023.608	9.520.294.476
Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội	25.000.000.000	25.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>381.908.387.608</b>	<b>186.325.922.381</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh, vốn điều lệ của Công ty là 2.256.592.100.000 VND. Tại ngày 31/12/2017, vốn điều lệ thực góp như sau:

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.898.727.600.000	84,14%	1.898.727.600.000	84,14%
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.273.444	3,86%	87.200.273.444	3,86%
Ngân hàng TMCP Bắc Á	115.500.000.000	5,12%	115.500.000.000	5,12%
Ngân hàng TMCP Quân đội	105.000.000.000	4,65%	105.000.000.000	4,65%
Các đối tượng khác	50.164.230.000	2,22%	50.164.230.000	2,22%
	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>100,00%</b>	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>100,00%</b>

**20.2 CỔ PHIẾU**

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	225.659.210	225.659.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu phổ thông	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu phổ thông	225.659.210	225.659.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**

Tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An

Số 7, đường Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh, Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****20.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu (*)	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2016</b>	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>64.985.781.295</b>	<b>5.792.700.882</b>	<b>(39.346.313.935)</b>	<b>2.288.024.271.686</b>
- Lỗ trong năm	-	-	-	(51.868.455.971)	(51.868.455.971)
<b>31/12/2016</b>	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>64.985.781.295</b>	<b>5.792.700.882</b>	<b>(91.214.769.906)</b>	<b>2.236.155.815.715</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>64.985.781.295</b>	<b>5.792.700.882</b>	<b>(91.214.769.906)</b>	<b>2.236.155.815.715</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.452.006.851	9.452.006.851
<b>31/12/2017</b>	<b>2.256.592.103.444</b>	<b>64.985.781.295</b>	<b>5.792.700.882</b>	<b>(81.762.763.055)</b>	<b>2.245.607.822.566</b>

(\*) Theo nội dung Công văn số 10084/BTC-CĐKT ngày 28/08/2008 của Bộ Tài chính về việc trả lời Chế độ kế toán: “Công ty được hạch toán giảm chi phí quản lý dự án hoặc ghi tăng vốn kinh doanh khoản lãi tiền gửi phát sinh từ nguồn vốn góp của cổ đông tạm thời nhàn rỗi trong thời gian đầu tư xây dựng công trình thủy điện...”. Theo đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi tiền gửi phát sinh này trên khoản mục “Vốn khác của chủ sở hữu” của Bảng cân đối kế toán, với số tiền lũy kế đến ngày 31/12/2017 là 64.985.781.295 VND. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng việc trình bày nêu trên mặc dù khác biệt với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam nhưng phù hợp với hoạt động của Công ty và theo hướng dẫn bằng văn bản của Bộ Tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu phát điện lưới	650.526.661.452	519.245.699.230
	<b>650.526.661.452</b>	<b>519.245.699.230</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn sản xuất điện	388.136.611.621	308.261.698.907
	<b>388.136.611.621</b>	<b>308.261.698.907</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	7.065.218.761	9.728.800.994
Chi phí nhân công	28.297.669.292	24.724.326.489
Khấu hao tài sản cố định	271.216.508.532	265.284.647.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.701.785.063	18.525.554.685
Chi phí dự phòng công nợ	2.320.804.000	-
Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng (*)	74.702.647.173	-
Chi phí bằng tiền khác	8.909.151.032	8.313.662.559
	<b>411.213.783.853</b>	<b>326.576.992.069</b>

Từ năm tài chính 2017, Công ty thực hiện ghi nhận doanh thu bán điện bằng giá của nhà máy thủy điện cộng (+) với phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước. Từ năm tài chính 2016 trở về trước, Công ty không ghi nhận phần phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước vào doanh thu cũng như giá vốn bán điện. Phương pháp ghi nhận này không ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm 2016 trở về trước. Phí môi trường rừng và thuế sử dụng tài nguyên nước năm 2016 là 53.256.885.591 đồng.

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	3.072.956.372	1.149.768.134
	<b>3.072.956.372</b>	<b>1.149.768.134</b>

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	232.566.779.120	246.488.594.382
	<b>232.566.779.120</b>	<b>246.488.594.382</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.518.293.212	10.655.178.267
Chi phí vật liệu, công cụ quản lý	639.090.859	360.735.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.150.336.109	1.183.987.270
Chi phí dự phòng	2.320.804.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.101.333.962	1.864.125.704
Chi phí bằng tiền khác	5.347.314.090	4.251.266.805
	<b>23.077.172.232</b>	<b>18.315.293.162</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>9.452.006.851</b>	<b>(51.067.264.806)</b>
Trong đó		
- Lãi (Lỗ) hoạt động kinh doanh chính	6.677.294.739	(53.418.712.170)
- Lợi nhuận từ hoạt động khác chịu thuế TNDN	2.774.712.112	2.351.447.364
<b>Các khoản chi phí không được trừ</b>	<b>370.000.000</b>	<b>614.127.050</b>
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>9.822.006.851</b>	<b>2.351.447.364</b>
Chuyển lỗ năm trước	(9.822.006.851)	-
<b>Thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>-</b>	<b>2.351.447.364</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN từ hoạt động khác chịu thuế TNDN	-	470.289.473
Điều chỉnh thuế TNDN từ các năm trước	-	330.901.692
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>801.191.165</b>

Trong năm 2017, Công ty thực hiện chuyển lỗ để tính thuế TNDN hiện hành trong năm. Chi tiết theo dõi tình hình chuyển lỗ:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước	Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này	Số lỗ còn được chuyển sang kỳ tính thuế sau	Đã chuyển lỗ đến 31/12/2017
2015	118.553.457.886	-	9.822.006.851	108.731.451.035	9.822.006.851
2016	50.453.137.756	-	-	50.453.137.756	-
	<b>169.006.595.642</b>			<b>159.184.588.791</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**28. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.452.006.851	(51.868.455.971)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	225.659.210	225.659.210
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>42</b>	<b>(230)</b>

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.6.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.207.431.637	119.698.140.125
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.531.108.464	54.952.410.058
<b>Cộng</b>	<b>245.738.540.101</b>	<b>184.650.550.183</b>
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ thuê tài chính	2.451.732.071.557	2.542.069.910.565
Phải trả người bán và phải trả khác	129.792.020.210	152.555.732.834
Chi phí phải trả	19.324.370.363	19.867.307.269
<b>Cộng</b>	<b>2.600.848.462.130</b>	<b>2.714.492.950.668</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(2.355.109.922.029)</b>	<b>(2.529.842.400.485)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì và cơ cấu lại khoản vay một cách hợp lý, trong đó bao gồm cả việc đàm phán với các Ngân hàng cho vay để khoản vay được áp dụng lãi suất phù hợp nhất

*Quản lý rủi ro về giá bán điện*

Công ty chỉ bán điện cho Công ty Mua bán Điện (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam). Giá bán điện ra thị trường của Tập đoàn Điện lực Việt Nam có sự điều tiết của Nhà nước, do đó, giá điện đầu vào của Công ty Mua bán điện cũng chịu sự điều tiết này. Do vậy, Công ty sẽ phải chịu rủi ro từ việc thay đổi giá mua, bán điện.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng bởi vì các khoản phải thu của Công ty đến từ duy nhất đối tượng Công ty Mua bán điện, đơn vị độc quyền mua bán điện từ các Nhà máy sản xuất điện, là Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, đảm bảo việc mua bán, phân phối điện lưới quốc gia.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Vay và nợ	388.383.720.826	2.063.348.350.731	2.451.732.071.557
Phải trả người bán và phải trả khác	129.485.440.210	306.580.000	129.792.020.210
Chi phí phải trả	19.324.370.363	-	19.324.370.363
<b>Cộng</b>	<b>537.193.531.399</b>	<b>2.063.654.930.731</b>	<b>2.600.848.462.130</b>
<b>01/01/2017</b>			
Vay và nợ	201.751.058.395	2.340.318.852.170	2.542.069.910.565
Phải trả người bán và phải trả khác	152.297.708.234	258.024.600	152.555.732.834
Chi phí phải trả	19.867.307.269	-	19.867.307.269
<b>Cộng</b>	<b>373.916.073.898</b>	<b>2.340.576.876.770</b>	<b>2.714.492.950.668</b>
	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	190.207.431.637	-	190.207.431.637
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.531.108.464	-	50.531.108.464
<b>Cộng</b>	<b>245.738.540.101</b>	<b>-</b>	<b>245.738.540.101</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.698.140.125	-	119.698.140.125
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	54.952.410.058	-	54.952.410.058
<b>Cộng</b>	<b>184.650.550.183</b>	<b>-</b>	<b>184.650.550.183</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản đang ở mức rất cao, tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp quản lý chặt chẽ, xây dựng hợp lý kế hoạch kinh doanh, phương án sử dụng nguồn lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và nguồn khấu hao tài sản cố định hàng năm để thanh toán các khoản nợ. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc tin tưởng rằng dòng tiền các năm sau sẽ khả quan hơn để đảm bảo cho khả năng thanh toán của Công ty và có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**30. BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	Cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí	Cùng chủ sở hữu

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Năm 2017</b>	<b>Năm 2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay vốn</b>	-	<b>85.063.404.293</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	85.063.404.293
<b>Trả vốn vay</b>	<b>9.177.023.608</b>	<b>9.177.023.608</b>
- Ngân hàng TMCP Quân đội	9.177.023.608	9.177.023.608
<b>Mua hàng</b>	<b>16.656.552.285</b>	<b>13.208.960.731</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	12.239.529.312	3.053.842.561
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	4.417.022.973	10.155.118.170
<b>Thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc</b>	<b>3.253.440.000</b>	<b>2.794.261.757</b>

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2017 như sau:

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>306.729.952.784</b>	<b>315.906.796.392</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	306.729.952.784	315.906.796.392
<b>Phải trả người bán</b>	<b>36.389.656.771</b>	<b>40.406.977.922</b>
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	32.300.822.607	38.131.385.328
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	4.088.834.164	2.275.592.594

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.



Trịnh Bảo Ngọc  
Giám đốc

Nghệ An, ngày 22 tháng 02 năm 2018

Võ Trung Chính  
Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà  
Người lập biểu